

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST  
Ngày 24/4/2019.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Huỳnh Lý**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Xuân**.

- Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cảnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**. Sinh ngày: 23/3/1989. HKTT: Thôn 4, xã Trà N, huyện Nam Trà M, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở: Thôn Khương M, xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: 9/12. Con ông: Lê Văn D, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm: 1964. Bị cáo có vợ tên Trần Thị Th, sinh năm 1993 (chưa có con).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 17/12/2018 bị Tòa án nhân dân TP Tam Kỳ ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng.

Bị cáo đang đưa đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969, trú tại: thôn Tam M, xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông Cao Văn Tr, sinh năm: 1971, trú tại: thôn Đàn H, xã Tam Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Lê Văn D, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1964. Cùng trú: thôn Khương M, xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/9/2018, Lê Văn H điều khiển xe đạp của gia đình mình đi từ thôn Khương M, xã Tam X, huyện Núi Th đến trước nhà ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969, trú thôn Tam M, xã Tam X, huyện Núi Thành. Khi thấy cổng nhà ông T có khóa bên ngoài bằng ổ khóa số, trong sân nhà ông T có dựng chiếc xe mô tô, hiệu Honda, loại ware, BKS: 92N4-8691, trên xe có cắm chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. H dựng xe đạp trước nhà ông T rồi đi vào dùng tay đẩy cánh cửa làm bung ổ khóa và mở cổng đi vào bên trong dắt trộm xe mô tô BKS: 92N4-8691 ra. H để lại xe đạp rồi điều khiển xe lấy trộm chạy về hướng Tam Kỳ.

Đến ngày 25/9/2018, H mang xe trộm đến bán cho ông Cao Văn Tr, sinh năm: 1971, trú tại xã Tam Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng Nam với số tiền 500.000 đồng. Sau khi bán xe xong, H đón xe ôm về đường Nguyễn Hoàng – TP Tam Kỳ hết 100.000 đồng. Tại đây, H gọi điện cho một người tên Bình nhà ở Tiên Phước (chưa xác định được lai lịch) đến rồi đưa cho B số tiền 300.000 đồng nhờ đi mua ma túy để cho H sử dụng. Số tiền còn lại 100.000 đồng Hoàng tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 07/10/2018, khi làm việc tại Công an xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành thì H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó Hoàng gặp ông Cao Văn Tr chuộc lại xe và giao nộp cho công an xã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 117 ngày 12/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại ware, BKS: 92N4-8691 giá trị 4.500.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành đã trả lại xe mô tô, hiệu Honda, loại ware, BKS: 92N4-8691 cho chủ sở hữu.

Vấn đề dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam quyết định truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát vấn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo H. Đồng thời đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, , i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận: Vào khoảng 12 giờ ngày 24/9/2018, tại thôn Tam M, xã Tam X, huyện Núi Th, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo Lê Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại ware, BKS: 92N4-8691 của ông Nguyễn Văn T với giá trị tài sản là 4.500.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án thấy phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo **Lê Văn H** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy: tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo có đủ năng lực hành vi để nhận biết điều đó nhưng do nẩy sinh lòng tham lợi dụng lúc sơ hở của người bị hại và muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ sức lao động nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn Tín. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn, hối cải, khai báo thành khẩn. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và ngày 17/12/2018 bị Tòa án nhân dân TP Tam Kỳ ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng. Do vậy, đây là tình tiết cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành đã trả lại xe mô tô, hiệu Honda, loại ware, BKS: 92N4-8691 cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vấn đề dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với ông Cao Văn Tr, khi mua xe BKS: 92N4-8691 ông Tr không biết là tài sản trộm cắp nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên B đã mua giúp ma túy cho Hoàng sử dụng, hiện nay vẫn chưa xác định được lai lịch, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với xe đạp mà H sử dụng trong quá trình phạm tội, đây là tài sản của ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị Thu V (là cha mẹ H), khi H lấy xe đi thì ông D và bà V không biết H sử dụng vào mục đích trộm cắp. Sau khi phạm tội thì bà V đã lấy xe đạp về nhà nên không đề cập giải quyết.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn H**, 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Bị cáo **Lê Văn H** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đinh Thị Huỳnh Lý**









